

Mẫu số 01

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN – QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 137 /CV-BSGQN

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 10 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 3 năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

- Mã chứng khoán: **BSQ**
- Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0255.6250905
- Email: beer@sabecoquangngai.com.vn; Website: www.sabecoquangngai.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý 3 năm 2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

- Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 17/10/2024 tại đường dẫn: www.sabecoquangngai.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC quý 3 năm 2024
- Công văn giải trình lợi nhuận số/CV-BSGQN ngày 17/10/2024.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Như

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo tài chính Quý 3/2024
kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007
Đầu tư số 1714445463 ngày 24 tháng 11 năm 2020

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh lần đầu vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 1714445463. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và bản điều chỉnh lần lượt do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận 4300338460 ngày 6 tháng 10 năm 2005
Đăng ký Doanh nghiệp số

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 1 tháng 11 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koo Liang Kwee	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Nhự	Thành viên
Ông Đinh Văn Thành	Thành viên
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Bùi Thị Nhự	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú,
Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		349.892.483.648	521.901.754.936
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	59.638.137.148	266.189.958.489
Tiền	111		59.638.137.148	29.489.958.489
Các khoản tương đương tiền	112		-	236.700.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	30.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116.730.431.616	91.415.856.085
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	115.712.432.530	89.706.534.871
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	434.784.129	188.561.873
Phải thu ngắn hạn khác	136		583.214.957	1.520.759.341
Hàng tồn kho	140	9(a)	139.475.858.384	163.343.622.554
Hàng tồn kho	141		139.750.037.347	163.730.592.301
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(274.178.963)	(386.969.747)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.048.056.500	952.317.808
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.048.056.500	952.317.808
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		911.838.670.290	1.004.442.083.428
Tài sản cố định	220		773.089.428.562	865.928.341.176
Tài sản cố định hữu hình	221	10	773.003.610.754	865.928.341.176
Nguyên giá	222		2.011.909.088.660	2.009.248.249.155
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.238.905.477.906)	(1.143.319.907.979)
Tài sản cố định vô hình	227		85.817.808	-
Nguyên giá	228		519.545.034	423.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(433.727.226)	(423.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		10.367.752.259	9.798.307.815
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	10.367.752.259	9.798.307.815
Tài sản dài hạn khác	260		128.381.489.469	128.715.434.437
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	120.993.265.282	123.500.670.868
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		2.417.051.857	2.251.254.726
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	9(b)	4.971.172.330	2.963.508.843
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.261.731.153.938	1.526.343.838.364

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		433.292.984.878	691.780.400.512
Nợ ngắn hạn	310		433.292.984.878	691.780.400.512
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13(a)	47.284.314.652	191.716.441.508
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		30.827.842	42.581.508
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	227.999.855.756	219.202.970.091
Phải trả người lao động	314		2.725.049.412	8.039.141.731
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	8.949.784.172	9.705.885.981
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	16.410.299.025	19.713.920.270
Vay ngắn hạn	320	17	124.400.000.000	236.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	5.492.854.019	6.859.459.423
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331	13(b)	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		828.438.169.060	834.563.437.852
Vốn chủ sở hữu	410	19	828.438.169.060	834.563.437.852
Vốn cổ phần	411	20	450.000.000.000	450.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		341.837.918.788	347.963.187.580
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		279.457.411.486	253.148.993.119
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>	421b		62.380.507.302	94.814.194.461
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.261.731.153.938	1.526.343.838.364

Ngày 17 tháng 10 năm 2024



Người duyệt:

Bùi Thị Nhự
 Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 3/2024

ĐVT: đồng

Chỉ Tiêu	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 3/2024	QUÝ 3/2024	Lũy kế tại ngày 30/09/2024	Lũy kế tại ngày 30/09/2023
A	B	C	1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	418,509,058,606	423,285,135,676	1,427,596,286,676	1,358,703,230,873
2. Các khoản giảm trừ	02	27	194,029,090	81,629,020	393,013,050	183,356,140
3. Doanh thu thuần và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		418,315,029,516	423,203,506,656	1,427,203,273,626	1,358,519,874,733
4. Giá vốn hàng bán	11	28	399,337,912,758	396,394,185,527	1,321,782,244,316	1,236,972,846,398
5. Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		18,977,116,758	26,809,321,129	105,421,029,310	121,547,028,335
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	671,817,842	5,435,355,035	7,738,990,063	16,521,103,203
7. Chi phí tài chính	22	30	2,111,989,386	3,668,121,807	6,241,872,907	20,760,274,762
_ Trong đó: Lãi vay phải trả:	23	30	1,810,708,677	3,996,506,567	5,940,496,441	18,047,335,629
8. Chi phí bán hàng	25	31	3,590,554,485	2,997,674,364	9,869,088,378	6,788,087,773
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	3,257,628,245	3,579,569,252	8,975,479,960	11,318,570,285
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10,688,762,484	21,999,310,741	88,073,578,128	99,201,198,718
11. Thu nhập khác	31		346,957,536	253,775,033	874,549,180	819,282,489
12. Chi phí khác	32		3,239,511,087	247,762,847	3,764,262,504	613,650,578
13. Kết quả từ các hoạt động khác (40=31-32)	40		(2,892,553,551)	6,012,186	(2,889,713,324)	205,631,911
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7,796,208,933	22,005,322,927	85,183,864,804	99,406,830,629
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	2,345,789,505	6,957,927,845	17,981,228,336	22,573,661,653
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	(134,171,980)	13,667,667	(165,797,131)	(1,424,625,668)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5,584,591,408	15,033,727,415	67,368,433,599	78,257,794,644
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		87	296	1,389	1,624

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 10 năm 2024



Người lập
Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	27	1.427.596.286.676	1.358.703.230.873
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	393.013.050	183.356.140
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	27	1.427.203.273.626	1.358.519.874.733
Giá vốn hàng bán	11	28	1.321.782.244.316	1.236.972.846.398
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		105.421.029.310	121.547.028.335
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	7.738.990.063	16.521.103.203
Chi phí tài chính	22	30	6.241.872.907	20.760.274.762
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	30	5.940.496.441	18.047.335.629
Chi phí bán hàng	25	31	9.869.088.378	6.788.087.773
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	8.975.479.960	11.318.570.285
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		88.073.578.128	99.201.198.718
Thu nhập khác	31		874.549.180	819.282.489
Chi phí khác	32		3.764.262.504	613.650.578
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.889.713.324)	205.631.911
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		85.183.864.804	99.406.830.629
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	17.981.228.336	22.573.661.653
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	34	(165.797.131)	(1.424.625.668)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		67.368.433.599	78.257.794.644
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.386	1.624

Ngày 17 tháng 10 năm 2024



Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	85,183,864,804	99,406,830,629
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	95,658,692,517	95,631,205,246
Các khoản dự phòng	03	821,153,716	(58,072,910)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	7,831,940	2,392,359,658
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3,053,539,449)	(16,521,103,203)
Chi phí lãi vay	06	5,940,496,441	18,329,271,489
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	184,558,499,969	199,180,490,909
Biến động các khoản phải thu	09	(25,195,639,603)	(26,894,865,277)
Biến động hàng tồn kho	10	21,038,946,967	58,744,889,010
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(11,265,051,572)	108,241,228,791
Biến động chi phí trả trước	12	1,522,758,167	(12,765,179,832)
		170,659,513,928	326,506,563,601
Tiền lãi vay đã trả	14	(5,043,378,632)	(16,648,321,772)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25,572,544,968)	(28,529,834,489)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5,400,000	23,840,000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7,011,281,495)	(8,479,163,063)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	133,037,708,833	272,873,084,277
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(129,281,564,255)	(35,026,394,312)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(88,000,000,000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	58,000,000,000	105,000,000,000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	2,926,655,065	6,145,257,113
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(156,354,909,190)	76,118,862,801

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)


Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		1,017,200,000,000	1,224,400,000,000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,129,300,000,000)	(1,501,310,565,869)
Tiền chi trả cổ tức	36		(71,134,737,500)	(66,196,443,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(183,234,737,500)	-343,107,008,869
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(206,551,937,857)	5,884,938,209
Tiền đầu năm	60		266,189,958,489	6,831,749,856
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		116,516	44,065,014
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	59,638,137,148	12,760,753,079

Ngày 17 tháng 10 năm 2024

Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSQ.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh đồ uống chứa cồn và kinh doanh kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty có 205 nhân viên (1/1/2024: 206 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 83.400 triệu VND (1/1/2024: 169.878 triệu VND). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ, tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng với giá trị là 385.600 triệu VND và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ và không tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 41 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục

THÀNH
CÔNG
TỔNG

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính được thực hiện trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ cùng

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

kỳ năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính quý 3 của Công ty kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024.

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong năm, không diễn ra hoạt động kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 và ngày 31 tháng 03 năm 2023 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

8. Tiền

	31/09/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	18.611.623	8.887.459
Tiền gửi ngân hàng	59.619.525.525	29.481.071.030
Các khoản tương đương tiền	-	236.700.000.000
	<hr/>	<hr/>
	59.638.137.148	266.189.958.489



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn được gửi bằng VND tại ngày 30/09/2024 lãi suất 3,0% một năm (31/12/2023: Không có).

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/09/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	94.905.822.180	75.668.838.210
International Consolidated Business Pty Ltd	19.720.910.576	11.120.582.256
Các khách hàng khác	1.020.575.774	2.917.114.405
	115.712.432.530	89.706.534.871

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/09/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	94.905.822.180	75.668.838.210
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Sông Lam	65.124.000	46.656.000

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 3 đến 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/09/2024	1/1/2024
	VND	VND
Các nhà cung cấp khác	434.784.129	188.561.873

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

434.784.129 188.561.873

Trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 bao gồm 25,78 triệu VND là khoản trả trước cho người bán để mua tài sản cố định (1/1/2024: 35,7 triệu VND).

12. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/09/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên vật liệu	57.238.373.628	-	78.395.809.465	-
Công cụ và dụng cụ	8.476.817.996	(274.178.963)	8.911.054.559	(386.969.747)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.089.519.866	-	41.858.714.355	-
Thành phẩm	36.945.325.857	-	34.302.290.224	-
Hàng hóa	-	-	262.723.698	-
	139.750.037.347	(274.178.963)	163.730.592.301	(386.969.747)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
Số dư đầu năm	386.969.747	400.842.737
Dự phòng trích lập trong kỳ		8.863.041
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(112.790.784)	-
Số dư cuối kỳ	274.178.963	409.705.778

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/09/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	16.762.225.632	(11.791.053.302)	13.820.617.645	(10.857.108.802)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	30/09/2024	30/09/2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.857.108.802	10.775.982.192
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.327.950.572	675.828.176
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(394.006.072)	(742.764.127)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	11.791.053.302	10.709.046.241
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	336.203.938.338	1.661.717.361.312	9.520.927.538	1.261.121.914	544.900.053	2.009.248.249.155
Tăng trong năm		154.950.000				154.950.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở Thanh lý	395.284.869	2.173.000.000		62.395.364		2.568.284.869
Số dư cuối năm	336.599.223.207	1.664.045.311.312	9.520.927.538	1.198.726.550	544.900.053	2.011.909.088.660
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	141.041.058.519	992.154.184.679	8.738.088.967	934.468.875	452.106.939	1.143.319.907.979
Khấu hao trong năm	10.556.461.193	84.778.498.764	125.074.926	164.732.129	23.198.279	95.647.965.291
Thanh lý				62.395.364		62.395.364
Số dư cuối năm	151.597.519.712	1.076.932.683.443	8.863.163.893	1.036.805.640	475.305.218	1.238.905.477.906
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	195.162.879.819	669.563.176.633	782.838.571	326.653.039	92.793.114	865.928.341.176
Số dư cuối năm	185.001.703.495	587.112.627.869	657.763.645	161.920.910	69.594.835	773.003.610.754

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 33.857 triệu VND (1/1/2024: 26.452 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
Số dư đầu năm	9.798.307.815	2.154.816.792
Tăng trong năm	3.137.729.313	18.462.946.235
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.568.284.869)	(6.472.056.076)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn		(5.364.340.246)
Số dư cuối năm	10.367.752.259	8.781.366.705

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Nhà cửa, vật kiến trúc của dự án 06 Nguyễn Thụy	10,367,752,259	9.798.307.815
	10,367,752,259	9.798.307.815

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí lãi vay trả trước VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	116.887.515.944	4.838.105.473	1.775.049.451	123.500.670.868
Tăng trong kỳ		3.441.927.866		3.441.927.866
Phân bổ trong kỳ	(3,050,823,330)	(1,958,778,065)	(939,732,057)	(5,949,333,452)
Số dư cuối kỳ	113,836,692,614	6,321,255,274	835,317,394	120,993,265,282

16. Phải trả người bán

- (a) **Phải trả người bán ngắn hạn**
- (i) *Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn*

Giá trị ghi sổ/Số có
khả năng trả nợ

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	30/09/2024	1/1/2024
	VND	VND
Krones AG	-	127.941.523.200
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	31.199.794.682	36.161.791.739
Công Ty TNHH Thương Mại Và Vận Tải Thái Tân	887.231.724	7.428.548.416
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đà Nẵng	-	6.289.547.950
Công Ty Cổ Phần Hanacans	4.780.015.785	764.289.138
Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa	1.257.984.000	852.789.600
Công Ty TNHH Một Thành Viên Hà Tân	1.539.767.457	2.288.238.860
Các nhà cung cấp khác	7.619.521.004	9.989.712.605
	47.284.314.652	191.716.441.508

(ii) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/09/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	25.127.881.937	36.161.791.739
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	23.787.917
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	-	78.650.992

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Tổng chi phí lãi trả chậm đối với khoản phải trả dài hạn cho Krones AG đến ngày thanh toán là 835 triệu VND (1/1/2024: 1.775 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024	Số phát sinh trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số đã cân trừ trong kỳ	30/09/2024
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	180.378.323.745	1.258.791.416.574	(1.306.461.583.384)		132.708.156.935
Thuế giá trị gia tăng	20.647.337.550	260.367.465.356	(92.070.499.250)	(103.878.512.517)	85.065.791.139
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.677.449.838	17.981.228.336	(25.572.544.968)		10.086.133.206
Thuế thu nhập cá nhân	499.626.446	3.079.502.234	(3.440.002.246)		139.126.434
Các loại thuế khác	232.512	59.047.047	(58.631.517)		-
Thuế xuất nhập khẩu		15.609.553	(15.609.553)		648.042
	219.202.970.091	1.540.294.269.100	(1.427.618.870.918)	(103.878.512.517)	227.999.855.756

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.460.560.710	8.503.174.958
Thù lao Hội đồng Quản trị	34.499.988	46.000.000
Chi phí khác	454.723.474	1.156.711.023
	8.949.784.172	9.705.885.981

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải trả	13,822,960,000	17.457.697.500
Phải trả khác	2.587.339.025	2.256.222.770
	16.410.229.025	19.713.920.270

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/09/2024 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	236.500.000.000	1.017.200.000.000	(1.129.300.000.000)	124.400.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/09/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	VND			116.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (ii)	VND	3.2% - 3.50%	124.400.000.000	120.000.000.000
			<u>124.400.000.000</u>	<u>236.500.000.000</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay không được đảm bảo tại ngày 30 tháng 09 năm 2024.
- (ii) Khoản vay không được đảm bảo tại ngày 30 tháng 09 năm 2024.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	30/09/2024	30/09/2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.859.459.423	10.913.150.024
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 22)	4.633.499.997	4.275.000.000
Tiền thu khác	5.400.000	23.840.000
Sử dụng trong kỳ	(7.011.281.495)	(8.479.163.063)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	1.005.776.094	(1.185.498.764)
Số dư cuối kỳ	<u>5.492.854.019</u>	<u>5.547.328.197</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	450.000.000.000	36.600.250.272	319.463.494.355	806.063.744.627
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	78.257.794.644	78.257.794.644
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	(4.275.000.000)	(4.275.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023	-	-	1.185.498.764	1.185.498.764
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Cổ tức	-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2023	450.000.000.000	36.600.250.272	326.981.787.763	813.582.038.035
Lợi nhuận thuần trong kỳ			22.456.399.817	22.456.399.817
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(1.425.000.000)	(1.425.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội			(50.000.000)	(50.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	450.000.000.000	36.600.250.272	347.963.187.580	834.563.437.852
Lợi nhuận thuần trong kỳ			67.368.433.599	(4.633.499.997)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)			(4.633.499.997)	(1.005.776.094)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 (Thuyết minh 21)			(1.005.776.094)	(354.426.300)
Trích quỹ công tác xã hội			(354.426.300)	(67.500.000.000)
Cổ tức			(67.500.000.000)	67.368.433.599
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2024	450.000.000.000	36.600.250.272	341.837.918.788	828.438.169.060

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/09/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 30 tháng 09 năm 2023.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty ngày 17 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức năm 2023 cho các cổ đông là 67.500 triệu VND, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu, (2022: 112.500 triệu VND, tương đương 2.500 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/09/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.408.321.286	3.408.321.286
Từ hai đến năm năm	13.633.285.144	13.633.285.144
Sau năm năm	62.955.896.192	65.514.471.623
	79.997.502.622	82.556.078.053

(b) Ngoại tệ

	30/09/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	382,59	8.592.408	171.881,53	4.138.882.078

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/09/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	965.555.555	1.160.129.238

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	30/09/2024	30/09/2023
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.417.648.975.431	1.347.870.835.357
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	2.676.412.110.440	2.552.859.656.511
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	1.258.763.135.009	1.204.988.821.154
▪ Bán phế liệu	9.947.311.245	10.832.395.516
	1.427.596.286.676	1.358.703.230.873
Trừ đi khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	393.013.050	183.356.140
Doanh thu thuần	1.427.203.273.626	1.358.519.874.733

28. Giá vốn hàng bán

	30/09/2024	30/09/2023
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	1.320.961.090.600	1.237.030.919.308
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	821.153.716	-58.072.910
	1.321.782.244.316	1.236.972.846.398

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
Lãi tiền gửi	3.053.539.449	15.915.846.090
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.685.450.614	605.257.113
	<hr/>	<hr/>
	7.738.990.063	16.521.103.203

30. Chi phí tài chính

	30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
Chi phí lãi vay	5.940.496.441	18.329.271.489
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	293.544.526	154.630.383
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.831.940	2.276.372.890
	<hr/>	<hr/>
	6.241.872.907	20.760.274.762

31. Chi phí bán hàng

	30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.633.378.244	4.396.643.938
Chi phí nhân viên	2.513.300.608	2.031.997.498
Chi phí bán hàng khác	722.409.526	359.446.337
	<hr/>	<hr/>
	9.869.088.378	6.788.087.773

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
Chi phí nhân viên	4.786.782.841	7.117.583.201
Chi phí khấu hao và phân bổ	604.992.476	651.331.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.464.604.973	1.269.722.856
Chi phí quản lý khác	2.119.099.670	2.279.932.459
	8.975.479.960	11.318.570.285

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.187.727.686.830	737.872.667.899
Chi phí khấu hao và phân bổ	95.658.692.517	27.727.886.133
Chi phí nhân viên	35.707.096.359	63.702.090.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.267.315.796	7.916.280.579
Chi phí khác	4.139.862.296	3.376.090.239

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	17.020.619.392	19.908.730.006
Dự phòng thiếu trong những năm trước	960.608.944	2.664.931.647
	17.981.228.336	22.573.661.653
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(165.797.131)	(1.424.625.668)
	17.815.431.205	21.149.035.985

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	85.183.864.804	99.406.830.629
Thuế theo thuế suất của Công ty	17.036.772.961	19.881.366.126
Chi phí không được khấu trừ thuế	(16.153.569)	27.363.880
Dự phòng thiêu trong những năm trước	960.608.944	2.664.931.647
	17.981.228.336	22.573.661.653

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	67.368.433.599	78.257.794.644
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.633.499.997)	(4.275.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(754.332.071)
Trích quỹ công tác xã hội	(354.426.300)	(150.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	62.380.507.302	73.078.462.573

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 30 tháng 09 năm 2023. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	30/09/2024	30/09/2023
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	2.588.867.301.545	2.479.494.917.660
Doanh thu khác	146.528.373	149.322.640
Mua nguyên vật liệu	974.028.183.550	891.616.870.890
Cổ tức đã trả	44.925.000.000	44.925.000.000
Khác		8.000.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Mua hàng hóa	491.081.650	728.918.690
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	241.240.680	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Cổ tức đã trả	1.750.000.500	1.750.000.500
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hoá	149.564.000	192.046.000
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương		
Mua hàng hoá	208.072.859	73.806.433
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co		
Mua hàng hóa, dịch vụ	219.419.000	204.193.400
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Sông Lam		
Bán Hàng hóa	549.100.000	182.700.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Chi phí sử dụng vỏ chai	12,738,038	31,235,636
Thu nhập từ thanh lý bao bì luân chuyển		1,531,293,750

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	30/09/2024	30/09/2023
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Koo Liang Kwee – Chủ tịch	100.000.000	100.000.000
Bà Bùi Thị Nhựt – Thành viên	70.000.000	70.000.000
Ông Trần Nguyên Trung – Thành viên	70.000.000	70.000.000
Ông Văn Thảo Nguyên – Thành viên	70.000.000	70.000.000
Ông Đinh Văn Thành – Thành viên	70.000.000	70.000.000
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và thù lao	2.492.332.561	3.226.800.204
Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân – Trưởng Ban	310.136.668	306.400.000
Ông Nguyễn Văn Hòa – Thành viên	40.000.000	40.000.000
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều – Thành viên	40.000.000	40.000.000

37. Thông tin so sánh

Ngoại trừ lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh như được trình bày ở Thuyết minh 32, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023.

Ngày 17 tháng 10 năm 2024



Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng